TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2020.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Điệp**
2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thanh Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện C ngày 02/8/2010. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2012 đến vợ chồng chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được.

Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị N1, sinh ngày 19/10/2004 và Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 15/11/2012, hiện nay hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Đ không có văn bản ý kiến. Tòa án triệu tập anh Đ để tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng anh Đ vẫn không có mặt.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân của chị N (photo);
- 01 giấy đăng ký kết hôn (bản chính);
- 02 giấy khai sinh con chung (bản sao);

Các tài liệu trong hồ sơ chị N đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M, huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Xét thấy, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện C ngày 02/8/2010 nên hôn nhân của chị N và anh Đ là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2012 đến nay vợ chồng chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống mà không thể hàn gắn được.

Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị N1, sinh ngày 19/10/2004 và Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 15/11/2012, hiện nay hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay hai con chung đang sống với chị và hai cháu đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển cho hai cháu. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng anh Đ vẫn không có mặt, không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không xem xét ý kiến của anh Đ.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 0003811 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/10/2004 và Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 15/11/2012. Anh Nguyễn Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003811 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Phạm Thị Kim Yến